SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC CỦ CHI

Số: 1688 /TM-BVKV-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 02 tháng 12 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, đơn vị cung cấp Sản phẩm dinh dưỡng, Thực phẩm chức năng

Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi đang có nhu cầu mua sắm Sản phẩm dinh dưỡng, Thực phẩm chức năng sử dụng năm 2024 phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện. Để có căn cứ xây dựng dự toán giá gói thầu, đề nghị các công ty, đơn vị cung ứng Sản phẩm dinh dưỡng, Thực phẩm chức năng cung cấp báo giá, cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp Sản phẩm dinh dưỡng, Thực phẩm chức năng năm 2024
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm

   Phụ lục I. Danh mục Sản phẩm dinh dưỡng

   Phụ lục II. Danh mục Thực phẩm chức năng
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 12 tháng
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi – đường Nguyễn Văn Hoài, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội - huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng
7. Yêu cầu về báo giá: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng, ... bên mua hàng hóa, dịch vụ không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm
8. Thời gian nhận hồ sơ báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo mời báo giá
9. Hình thức mời báo giá: Qua Website bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi
10. Hình thức nhận báo giá

    - File mềm qua email: tothaubvdkkvcuchi@gmail.com

- Bản giấy có ký tên đóng dấu, gửi về địa chỉ: Khoa dược- Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi – đường Nguyễn Văn Hoài, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội - huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.38920583- 275 hoặc 0983616139 (DS.Trang)

11. Yêu cầu chào giá: Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu:

+ Thư báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu)

+ Quyết định trúng thầu tại cơ sở y tế trong vòng 12 tháng (nếu có)

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (Hồ sơ công bố chất lượng hàng hóa, tờ hướng dẫn sử dụng, hình ảnh sản phẩm)

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Phương

PHỤ LỤC I. DANH MỤC SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

STT	Tên hàng hóa	Nồng độ/ hàm lượng (hoặc hàm lượng chất dinh dưỡng trong 100g bột/ 100ml)	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
1	Sữa nước năng lượng chuẩn có HMB và YBG	Trong 100ml bao gồm: 1. Năng lượng tối thiểu: 110kcal; 2. Chất đạm: tối thiểu 16% tổng năng lượng; 3. Chất béo: tối thiểu 28% tổng năng lượng; 4. Chất bột đường: tối thiểu 54% tổng năng lượng; 5. Có chất khoáng và vitamin : 6. Có CaHMB: tối thiểu 0,3g; 7. PUFA: tối thiểu 0,9g; 8. YBG: tối thiểu 52 mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai nhựa 237ml	Uống	Chai 237ml	5.400
2	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh nhân cao tuổi	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 430 kcal 2. Protein: tối thiểu 14% tổng năng lượng 3.Carbohydrate: tối thiểu 50% tổng năng lượng 4. Lipid: tối thiểu 20% tổng năng lượng 5. Có vitamin và khoáng chất, trong đó: 6. Canxi: tối thiểu 600mg	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	1.680
3	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh nhân trước lọc máu	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 415kcal 2. Protein: 7-12% tổng năng lượng 3.Carbohydrate: 50% tổng năng lượng 4. Lipid: tối thiểu 10% tổng năng lượng 5. Có vitamin và khoáng chất, trong đó: 6. Kali: tối đa 300mg 7. Natri: tối đa 190mg	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	204
4	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh nhân đái tháo đường	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 350kcal 2. Protein: tối thiểu 15% tổng năng lượng 3.Carbohydrate: 40-60% tổng năng lượng 4. Lipid: tối thiểu 20% tổng năng lượng 5. Có vitamin và khoáng chất 6. Chất xơ: tối thiểu 3g	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	1.440

STT	Tên hàng hóa	Nồng độ/ hàm lượng (hoặc hàm lượng chất dinh dưỡng trong 100g bột/ 100ml)	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
5	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh nhân đái tháo đường (Bột dinh dưỡng gạo lứt không đường)	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 405kcal 2. Protein: tối thiểu 15% tổng năng lượng 3.Carbohydrate: 40-60% tổng năng lượng 4.Lipid: tối thiểu 10% tổng năng lượng 5. Có vitamin và khoáng chất	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	1.440
6	Sản phẩm dinh dưỡng bổ sung	*Trong 100g bột 100% bột mộng đại mạch hoặc tương đương có hoạt tính amylase	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon Tối thiểu 120g	96
7	Sữa nước năng lượng chuẩn, có GI thấp có bổ sung Inositol	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 400 kcal; 2. Chất đạm: tối thiểu 19% tổng năng lượng; 3. Chất béo: tối thiểu 25% tổng năng lượng; 4. Chất bột đường: tối thiểu 40% tổng năng lượng; 5. Chất xơ: tối thiểu 7g; 6. Có khoáng chất và vitamin; 7. GI (chỉ số đường huyết): tối đa 54; 8. Inositol: tối thiểu 300 mg;	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	960
8	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh nhân ung thư	*Trong 100g bột 1. Năng lượng: tối thiểu 400 kcal; 2. Chất đạm: tối thiểu: 20% tổng năng lượng; 3. Chất béo: tối thiểu 18% tổng năng lượng; (DHA+ EPA: tối thiểu 2g) 4. Chất bột đường: tối thiểu 50% tổng năng lượng; 5. Chất xơ: tối thiểu 6,5g; 6. Có khoáng chất và vitamin;	Bột	Hộp/Lon	Uống	Hộp/Lon tối thiểu 380g	24

PHỤ LỤC II. DANH MỤC THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

STT	Thành phần/ hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
1	Lutein; Zeaxanthin; Vitamin A; Vitamin E	2,5 mg; 0,5 mg; 1.000 IU; 100 IU	Viên	Viên	Uống		12.000
2	Vitamin K2; Vitamin D3	30 mcg; 400 IU	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/Lọ	Uống	Ống/Lọ 10ml	900
3	Calcium citrate (Calcium 105mg); Vitamin D3; Vitamin K2 MK7 (Menaquinone)	500 mg; 200IU; 5 mcg	Viên	Viên	Uống		900
4	Dầu cá; Calcium carbonate ; Vitamin C; Iron; Vitamin B5; Ginger Root extract 5% gingerol; Vitamin B6; Vitamin B2; Vitamin B1; 5- MTHF(5-Methyltetrahydrofolate); Vitamin B12; Chromium (III) Chloride Hexahydrate (Chromium 25mcg); Vitamin D3; Potassium iodide; Vitamin B8	250mg; 100mg; 96,386mg; 42,592mg; 7,551mg; 5mg; 1,710mg; 1,492mg; 1,371mg; 652mcg; 2,5mcg; 0,210 mg; 0,2mg; 198mcg; 50mcg	Viên	Viên	Uống		900
5	Hạt dẻ ngựa; Rutin	300mg ; 200mg	Viên	Viên	Uống		1000
6	L-Cystine	500 mg	Viên	Viên			1000

STT	Thành phần/ hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
7	Mật ong; Cao lá thường xuân; Cao bướm bạc; Cao kha tử; Cao chiết xuất (Tỳ bà diệp, Mạch môn, Tang bạch bì, Cam thảo, La hán)	800mg; 35mg; 50mg; 50mg; 170mg	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/lọ	Uống	Ống/lọ 10ml	500
8	Rễ cây bách bệnh; Rễ macca; L-arginin; Hạt cỏ cà ri; Chiết xuất vỏ cây thông; Chiết xuất rễ Coleus Forskohlii; Boron (từ phức hợp aminoacid boron)	1000mg; 500mg; 200mg; 100mg; 10mg; 10mg; 2mg	Viên	Viên	Uống		1000
9	Nattokinase; Enzyme	3000 FU	Viên	Viên	Uống		1000
10	Silymarin; **Betaglucan;** L-Glutathionin; Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12	120mg; 20 mg; 20mg; 0,6mg; 0,85mg; 2mcg	Viên	Viên	Uống		1000
11	Coenzyme Q10; Vitamin E	120mg; 20 mg	Viên	Viên	Uống		1000
12	Poudre de thale de lithothamme; Lecithine de soja; DHA; Gingembre; Acetate de vitamin E; Poudre de raciness de gingseng rouge; Vitamin C; Vitamin B3;	80mg; 50mg; 30mg; 15mg; 29,86mg; 20mg; 20mg; 20mg;	Viên	Viên	Uống		1000

STT	Thành phần/ hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
	Chlorure de potassium; Sulfate de manganese H20; Các loại vitamin K2, B1, B6, B5, D, B12…	9,81mg; 6,154mg;					
13	Dibasic calci phosphat anhydtous 340mg; Lecithin; Magnesi sulfat; Vitamin C; Chiết xuất nhân sâm; Sắt (II) sulfat; Vitamin PP; Vitamin E; Đồng (II) sulfat; Kẽm sulfat monohydrat; Vitamin B6; Vitamin B2; Vitamin B1; Natri selenit; Vitamin B9; Biotin 5; Vitamin B12; Vitamin A; Vitamin D	340mg; 100mg; 71mg ; 60mg; 40mg ; 33mg ; 18mg ; 10mg ; 5,6mg; 2,75mg; 2mg; 1,6mg; 1,4mg; 110mcg; 100mcg; 50mcg; 1mcg; 2667IU; 200IU	Viên	Viên	Uống		1000
14	Vitamin C (dưới dạng Natri L-ascobat); ZinC gluconate (tương đương 5.06mg Kẽm);	50mg; 35.3mg	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/lọ	Uống	Ống/lọ 5ml	5.500
15	Chiết xuất Xuân tiết (Adhatoda Vasica) ; Mật ong ; Chiết xuất Hương nhu tía (Ocimum Sanctum); Chiết xuất Gừng (Zingiber Officinale) ; Chiết xuất Nghệ (Curcuma Longa) ; Chiết xuất Bàng hôi (Terminalia Bellerica) ;	315mg; 235mg; 200mg; 175mg; 110mg; 90mg;	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	Uống	Chai 100ml	100

STT	Thành phần/ hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng trình bày	Số lượng
	Chiết xuất Tiết căn (Sarcostemma Brevistigma) ; Chiết xuất Cỏ mực (Eclipta Alba) ; Chiết xuất Cam thảo (Glychrrhiza Glabra) ; Chiết xuất Cà trái vàng (Solanum Xanthocarpum) ; Chiết xuất Bạch đàn xanh (Eucalyptus Globulus) ; Chiết xuất Bạc hà (Mentha Piperate); Chiết xuất Đinh hương (Syzygium Aromaticum) ; Chiết xuất Nguyệt quế (Cinnamomum Tamala); Chiết xuất Thanh tùng (Taxus Baccata); Chiết xuất Long não (Cinnamomum Camphora).	80mg; 80mg; 75mg; 60mg; 45,7mg; 20mg; 20mg; 20mg; 20mg; 1mg/100ml					
16	Bacillus subtilis; Lactobacillus acidophilus; Lysin; Kẽm; Vitamin B1	10^8 CFU; 3*10^8 CFU; 100mg; 7mg; 0,5mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Uống		36.000

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi

Căn cứ Thư mời báo giá số...../TM-BVKV-KD -ngày… ….tháng…..năm 2024. Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	*STT trong danh mục mời báo giá*	*Nồng độ/ hàm lượng (hoặc hàm lượng chất dinh dưỡng trong 100g bột/ 100ml)*	*Tên hàng hóa mời báo giá (nếu có)*	*Tên thương mại*	*Đường dùng*	*Dạng bào chế*	*Dạng trình bày*	*Quy cách đóng gói*	*Số công bố sản phẩm hoặc Số GPNK*	*Hạn sử dụng*	*Tên nhà sản xuất*	*Nước sản xuất*	*Đơn vị tính*	*Giá bán buôn kê khai (nếu có)*	*Số thứ tự và ngày công bố giá KK/KKL*	*Số lượng*	*Đơn giá chào (có VAT) (VNĐ)*	*Đã trúng thầu (nếu có)*			
																		Tên CSYT	*Số, ngày phê duyệt KQLCNT*	*Đơn giá trúng thầu (có VAT) (VNĐ)*	*Nhà thầu trúng thầu*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*

- Báo giá này có hiệu từ .....ngày kể từ ngày báo giá
- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá
- Yêu cầu khác:

Ngày……tháng……..năm 2024
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG BÁO GIÁ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi

Căn cứ Thư mời báo giá số...../TM-BVKV-KD -ngày… ….tháng…..năm 2024. Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	*STT trong danh mục mời báo giá*	*Hàm lượng chất dinh dưỡng trong 100g bột/ 100ml*	*Tên hàng hóa mời báo giá*	*Tên thương mại*	*Đường dùng*	*Dạng bào chế*	*Dạng trình bày*	*Quy cách đóng gói*	*Số công bố sản phẩm hoặc Số GPNK*	*Hạn sử dụng*	*Tên nhà sản xuất*	*Nước sản xuất*	*Đơn vị tính*	*Giá bán buôn kê khai (nếu có)*	*Số thứ tự và ngày công bố giá KK/KKL*	*Số lượng*	*Đơn giá chào (có VAT) (VNĐ)*	*Đã trúng thầu (nếu có)*			
																		Tên CSYT	*Số, ngày phê duyệt KQLCNT*	*Đơn giá trúng thầu (có VAT) (VNĐ)*	*Nhà thầu trúng thầu*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*

- Báo giá này có hiệu từ .....ngày kể từ ngày báo giá
- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá
- Yêu cầu khác:

Ngày……tháng……..năm 2024
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG BÁO GIÁ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi

Căn cứ Thư mời báo giá số...../TM-BVKV-KD -ngày… ….tháng…..năm 2024. Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	*STT trong danh mục mời báo giá*	*Hoạt chất mời báo giá*	*Nồng độ/ hàm lượng*	*Tên thương mại*	*Đường dùng*	*Dạng bào chế*	*Dạng trình bày*	*Quy cách đóng gói*	*Số công bố sản phẩm hoặc Số GPNK*	*Hạn sử dụng*	*Tên nhà sản xuất*	*Nước sản xuất*	*Đơn vị tính*	*Giá bán buôn kê khai (nếu có)*	*Số thứ tự và ngày công bố giá KK/KKL*	*Số lượng*	*Đơn giá chào (có VAT) (VNĐ)*	*Đã trúng thầu (nếu có)*			
																		Tên CSYT	*Số, ngày phê duyệt KQLCNT*	*Đơn giá trúng thầu (có VAT) (VNĐ)*	*Nhà thầu trúng thầu*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*

- Báo giá này có hiệu từ .....ngày kể từ ngày báo giá
- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá
- Yêu cầu khác:

Ngày……tháng……..năm 2024
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)